ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2018/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Ma-cao của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, ký tại Ma-cao, ngày 16 tháng 4 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 10 năm 2018.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT MACAO
CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA
VỀ
TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN
VÀ
NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ
ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và thúc đẩy hợp tác kinh tế,

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Bên ký kết.

ĐIỀU 2
CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Bên ký kết hoặc chính quyền địa phương của Bên đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp trả, cũng như các loại thuế đánh trên giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

(a) tại Việt Nam:

(i) thuế Thu nhập cá nhân; và

(ii) thuế Thu nhập doanh nghiệp;

(sau đây được gọi là "thuế Việt Nam"); và

(b) tại Macao:

(i) thuế Phụ thu;

(ii) thuế Ngành nghề; và

(iii) thuế Tài sản;

(sau đây được gọi là "thuế Macao").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với các loại thuế có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Bên.

ĐIỀU 3
CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Trong Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

(b) thuật ngữ "Macao" có nghĩa là Khu Hành chính đặc biệt Macao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, khi dùng theo nghĩa địa lý là bán đảo Macao và các đảo Taipa và Coloane;

(c) thuật ngữ "Bên ký kết" và "Bên ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Macao tuỳ ngữ cảnh đòi hỏi;

(d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một công ty và bất kỳ tổ chức nào khác của nhiều đối tượng;

(e) thuật ngữ "công ty" có nghĩa là bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là một tổ chức công ty cho các mục đích thuế;

(f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Bên ký kết" và "doanh nghiệp của Bên ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Bên ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia;

(g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch Việt Nam" có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch Việt Nam; và

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh và hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại Việt Nam;

(h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp của Macao, là Trưởng Khu Hành chính đặc biệt Macao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, hoặc người đại diện được uỷ quyền của Trưởng Khu Hành chính đặc biệt Macao;

(i) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thuỷ hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thuỷ hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa các địa điểm trong Bên ký kết kia.

2. Khi một Bên ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Bên đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng của Bên đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Bên đó.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Bên ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Bên đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đăng ký, trụ sở thành lập, trụ sở điều hành, hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Bên đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Bên đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1 mà một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Bên ký kết, thì thân phận của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   (a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Bên, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   (b) nếu không thể xác định được Bên mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Bên, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó thường sống;

   (c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Bên hoặc không thường xuyên sống ở Bên nào, thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thoả thuận song phương.

3. Trường hợp do các quy định tại khoản 1 mà một đối tượng không phải là cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Bên ký kết, khi đó đối tượng này sẽ được coi là đối tượng cư trú của một Bên ký kết theo quy định của Hiệp định này bằng thoả thuận song phương.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Trong Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   (a) trụ sở điều hành;

   (b) chi nhánh;

   (c) văn phòng;

   (d) nhà máy;

   (e) xưởng;

   (f) kho hàng, liên quan đến một đối tượng cung cấp các phương tiện lưu kho cho các đối tượng khác;

   (g) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và

   (h) cấu trúc lắp đặt, hoặc thiết bị được sử dụng để thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên thiên.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   (a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài hơn sáu tháng;

   (b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp của một Bên ký kết thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Bên ký kết trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

   (a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp;

   (b) việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

   (c) việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hoá hoặc tài sản hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp;

(f) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ cho bất kỳ sự kết hợp nào các hoạt động nêu tại các điểm từ (a) đến (e), với điều kiện hoạt động nói chung của địa điểm kinh doanh cố định phát sinh từ sự kết hợp này có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động tại một Bên ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Bên ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Bên ký kết thứ nhất đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Bên kia thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên của doanh nghiệp đó, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó được giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc

(b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Bên thứ nhất một kho hàng hoá hoặc tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện giao hàng hoá hoặc tài sản thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Một doanh nghiệp của một Bên ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia chỉ vì doanh nghiệp đó thực hiện hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng nói chung hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ đại diện cho doanh nghiệp đó, và các điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp và đại lý trong các quan hệ tài chính và thương mại của họ khác với các điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi như một đại lý có tư cách độc lập trong phạm vi ý nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6
THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật pháp của Bên ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thuỷ, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7
LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Bên ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó, trừ trường hợp doanh nghiệp đó tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia. Nếu doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

   (a) cơ sở thường trú đó;

   (b) việc bán tại Bên ký kết kia những hàng hoá hoặc tài sản cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá hoặc tài sản bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

   (c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Bên ký kết kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó;

   với điều kiện các điểm (b) hoặc (c) sẽ không áp dụng nếu một doanh nghiệp có khả năng chứng minh rằng việc bán hàng hoá hoặc các hoạt động kinh doanh được thực hiện với các lý do không phải để đạt được các lợi ích của hiệp định.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Bên ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia, thì tại mỗi Bên ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép tính vào các khoản chi phí được trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Bên nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự

như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Bên ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi nhuận của doanh nghiệp thành các phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Bên ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc tại Điều này.

5. Vì mục đích của các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm, trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

6. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì những quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.
2. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9
CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi

   (a) một doanh nghiệp của một Bên ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Bên ký kết kia, hoặc

   (b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Bên ký kết và vào một doanh nghiệp của Bên ký kết kia,

   và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ thương mại hoặc tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Bên ký kết tính vào lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Bên đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Bên ký kết kia đã bị đánh thuế ở Bên kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Bên thứ nhất nếu những điều kiện được đưa ra giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Bên kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Bên mình đối với khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Khi xác định sự điều chỉnh này, các quy định khác của Hiệp định này sẽ được xem xét một cách thích hợp và các nhà chức trách có thẩm quyền của các Bên ký kết sẽ tham vấn lẫn nhau nếu cần thiết.

ĐIỀU 10
TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền khác, không phải các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật pháp của Bên nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Bên ký kết đó, hoặc tiến hành tại Bên ký kết đó các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó, và việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập tại Bên ký kết kia, Bên ký kết kia có thể không đánh bất cứ khoản thuế nào đối với các khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia hoặc trừ trường hợp việc nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định nằm tại Bên ký kết kia, đồng thời Bên kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Bên ký kết kia.

ĐIỀU 11
LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Bên ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi lãi từ tiền cho vay phát sinh và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 2 của Điều này, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Bên ký kết được miễn thuế tại Bên đó nếu khoản lãi này được nhận bởi Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc bất kỳ tổ chức nào hoàn toàn thuộc sở hữu của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao và được thừa nhận bởi nhà chức trách có thẩm quyền của cả hai Bên.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay vì mục đích của Điều này.

5. Những quy định tại các khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Bên ký kết tiến hành kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia, hoặc tiến hành tại Bên ký kết đó các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó và khoản nợ có khoản lãi từ tiền cho vay được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Bên ký kết khi người trả là Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc là một đối tượng cư trú của Bên đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi từ tiền cho vay có ở một Bên ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay này, và khoản lãi từ tiền cho vay đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Bên ký kết hay không, khoản

lãi từ tiền cho vay này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Bên nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó mà khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Bên ký kết có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Bên ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền này cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi khoản tiền bản quyền này phát sinh và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bất kỳ sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền bản quyền là đối tượng cư trú của một Bên ký kết tiến hành kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Bên ký kết kia, hoặc tiến hành tại Bên ký kết đó các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền được coi là phát sinh tại một Bên ký kết khi người trả là Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc một đối tượng cư trú của Bên đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, có ở một Bên ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó hay không, khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Bên nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong

trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật pháp của từng Bên ký kết có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập thu được bởi một đối tượng cư trú của một Bên ký kết từ việc chuyển nhượng bất động sản nêu tại Điều 6 và nằm tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản tạo thành một phần tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Bên ký kết có tại Bên ký kết kia, hoặc của động sản gắn liền với một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết tại Bên ký kết kia cho mục đích tiến hành các dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú này (một cách riêng rẽ hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định này có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ việc chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thuỷ, máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

4. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của một công ty, hoặc phần quyền lợi trong một công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản, mà tài sản của các tổ chức này chủ yếu trực tiếp hoặc gián tiếp bao gồm bất động sản có tại một Bên ký kết, có thể bị đánh thuế tại Bên đó.

   Vì mục đích của khoản này, thuật ngữ "chủ yếu" có nghĩa là, liên quan đến quyền sở hữu bất động sản, giá trị của bất động sản vượt quá 50% tổng giá trị tài sản do công ty, công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản đó sở hữu.

5. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần không phải là các cổ phần được đề cập đến tại khoản 4, không ít hơn 15 phần trăm toàn bộ vốn cổ phần trong một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

6. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14
DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó trừ các trường hợp sau đây, khi đó những khoản thu nhập như vậy cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia:

   (a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Bên ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động của đối tượng đó; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia; hoặc

   (b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Bên ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại bằng hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15
DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo những quy định tại các Điều 16, 18, 19 và 20, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó, trừ khi lao động làm công đó được thực hiện tại Bên ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ lao động làm công tại Bên ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên thứ nhất nếu:

   (a) người nhận tiền công có mặt tại Bên ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và

   (b) tiền công được trả bởi chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động không phải là đối tượng cư trú tại Bên kia; và

   (c) số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Bên kia.

3. Mặc dù đã có các quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm công trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

ĐIỀU 16
THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

ĐIỀU 17
NGHỆ SỸ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù đã có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được với tư cách một người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Bên ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.
2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có các quy định tại các Điều 7, 14 và 15.
3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Bên ký kết kia theo một kế hoạch trao đổi văn hóa giữa Chính phủ Việt Nam và Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao sẽ được miễn thuế tại Bên ký kết kia.

ĐIỀU 18
TIỀN LƯƠNG HƯU VÀ
CÁC KHOẢN THANH TOÁN BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác (kể cả số tiền thanh toán một lần), được trả cho một đối tượng cư trú của một Bên ký kết liên quan đến việc làm công trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

2. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác (kể cả số tiền thanh toán một lần) được trả theo một chương trình lương hưu hoặc về hưu mà là:

   (a) một chương trình công thuộc một phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Bên ký kết; hoặc

   (b) một hình thức tổ chức mà các cá nhân có thể tham gia để bảo đảm có các lợi ích khi về hưu và được công nhận cho mục đích thuế tại một Bên ký kết,

   sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

HOẶC CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT MACAO

1. (a) Tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Bên ký kết hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Bên đó hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

   (b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác nói trên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Bên ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, đồng thời:

   (i) trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, và trong trường hợp của Macao, được coi là đối tượng cư trú theo Luật Cơ bản của Macao; hoặc

   (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Bên ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. (a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác (kể cả số tiền thanh toán một lần) do một Bên ký kết hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc do các quỹ của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Bên đó hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

   (b) Tuy nhiên, khoản tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự này (kể cả số tiền thanh toán một lần) sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia và trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, và trong trường hợp của Macao, được coi là đối tượng cư trú theo Luật Cơ bản của Macao.

3. Những quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự (kể cả số tiền thanh toán một lần) đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao.

(Xem tiếp Công báo số 85 + 86)